

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày: 05-3-2021
V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Huỳnh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Nhàn
2. Ông Nguyễn Văn Thắng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 683/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U, (chết ngày 13/01/2021)

Người thừa kế tổ tụng của Bà U gồm:

- Bà Lê Thị Mến, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp H, xã Ph, huyện V, tỉnh VL.

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1956

Địa chỉ: ấp Ph, xã V, huyện C, tỉnh B.

- Bà Lê Thị B, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp Số 8, xã M, huyện L, tỉnh TV

- Ông Lê Văn Th, sinh năm 1961

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện L, tỉnh TV.

- Bà Lê Thị Th, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khóm 8, Thị trấn L, huyện L, tỉnh TV.

Người đại diện hợp pháp cho bà M, bà N, bà B, ông Th có Bà Lê Thị Th, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khóm 8, Thị trấn L, huyện L, tỉnh TV theo văn bản ủy quyền ngày 18/01/2021(Có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1971 (Vắng mặt)
Bà Lê Thị Th, sinh năm 1977 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 8, Thị trấn L, huyện L, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-8-2020 của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị U và trong quá trình tham gia tố tụng Bà Lê Thị Th người đại diện cho các thừa kế của Bà Nguyễn Thị U trình bày: Vào ngày 06/02/2012 âm lịch Bà Nguyễn Thị U có cho vợ chồng Ông Nguyễn Văn Tr và Bà Lê Thị Th vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 16.000đồng/tháng, ba tháng trả tiền lãi một lần, thời hạn vay là 01 năm, bà Th, Ông Tr có viết biên nhận cho Bà U giữ. Mục đích vay Ông Tr và bà Th sử dụng số tiền vay này để mua 01 công đất ruộng. Sau khi vay Ông Tr, bà Th đã trả tiền lãi cho Bà U được một năm 3 tháng bằng cách Ông Tr, bà Th giao 01 công đất ruộng cho cháu ngoại Bà U làm 01 vụ lúa trả tiền hoa lợi để đóng lãi cho Bà U là 1.000.000 đồng.

Đến hạn trả tiền ngày 06/02/2013 âm lịch Ông Tr và bà Th không trả số tiền 50.000.000 đồng cho Bà U. Ngày 16/5/2018 bà Th có viết và ký tên lại biên nhận nợ Bà U số tiền 50.000.000 đồng và cam kết 3 tháng sau trả vốn và Bà U không tính lãi.

Ngày 13/7/2018 Bà U nộp đơn yêu cầu Tổ hòa giải cơ sở khóm 8, thị trấn L giải quyết và Ông Tr và bà Th có cam kết sau 03 tháng sẽ trả cho Bà U 50.000.000 đồng và Bà U không tính lãi. Sau 3 tháng Ông Tr và bà Th không trả 50.000.000 đồng, Bà U cũng tiếp tục nhắc nhở, đến tháng 11/2019 Ông Tr và bà Th có trả cho Bà U số tiền 10.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại 40.000.000 đồng đến nay không trả cho Bà U nên Bà U nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc Ông Nguyễn Văn Tr và Bà Lê Thị Th phải trả cho Bà U số tiền 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 Bà U chết, các hàng thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của Bà U gồm: bà Lê Thị Mến, bà Lê Thị Nén, bà Lê Thị Bùi, ông Lê Văn Tho và tôi do tôi làm đại diện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Bà U yêu cầu Ông Tr và bà Th trả số tiền 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi để có tiền xây mồ mã, lo nhang khói cho Bà U.

Tại bản khai ngày 31-12-2020 bị đơn Bà Lê Thị Th trình bày: Vào ngày 06/02/2012 âm lịch bà Th có vay của thiếu 7 (Bà Nguyễn Thị U) số tiền 50.000.000 đồng, tiền lãi 16.000đồng/tháng, ba tháng trả tiền lãi một lần, thời hạn vay là 01 năm, bà Th có viết biên nhận cho Bà U giữ, mục đích vay sử dụng trong gia đình, chồng bà là Ông Tr biết việc vay số tiền này. Sau khi vay bà Th có đóng lãi đầy đủ. Đến tháng 7/2019 ả bà Th có trả 10.000.000 đồng vốn gốc và đóng lãi 25.000.000 đồng cho Bà U không có làm biên nhận. Nay bà Th thừa nhận vợ chồng bà Th còn nợ Bà U 40.000.000 đồng. Bà Th không yêu cầu cần

trừ lãi đã đóng cho Bà U. Bà Th thống nhất các chứng cứ mà Bà U đã cung cấp, bà Th yêu cầu xin được trả dần do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn Tr vắng mặt nên không có lời trình bày.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Ngày 06-02-2012 Bà Nguyễn Thị U cho Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1971, Bà Lê Thị Th, sinh năm 1977 cùng địa chỉ: Khóm 8, Thị trấn L, huyện L, tỉnh TV vay số tiền 50.000.000 đồng đến ngày 16-8-2018 sẽ trả tiền nhưng không trả tiền nên phát sinh tranh chấp đến ngày 05-8-2020 Bà U khởi kiện. Xác định là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại 429 của Bộ luật dân sự.

[2] Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị U chết nhưng có các thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của Bà U gồm: bà Lê Thị Mến, bà Lê Thị Nén, bà Lê Thị Bùi, ông Lê Văn Tho, Bà Lê Thị Th tham gia tố tụng do Bà Lê Thị Th làm đại diện có mặt. Bị đơn Ông Nguyễn Văn Tr đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Bà Lê Thị Th vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về số tiền nợ: Qua lời trình bày của Bà Lê Thị Th tại phiên tòa yêu cầu Ông Nguyễn Văn Tr và Bà Lê Thị Th phải trả cho các thừa kế của Bà U số tiền 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và có cung cấp các chứng cứ Biên nhận nợ ngày 06-02-2012 thể hiện nội dung bà Th, Ông Tr có ký nhận tiền của thiếu 7 (Bà U) số tiền 50.000.000 đồng và Giấy tập ghi ngày 16-5-2018 thể hiện nội dung bà Th hứa 03 tháng sẽ trả số tiền 50.000.000 đồng cho Bà U. Theo lời khai của bị đơn Bà Lê Thị Th ghi ngày 31-12-2020 cũng thừa nhận có vay của Bà U số tiền 50.000.000 đồng và đã trả cho Bà U số tiền 10.000.000 đồng nên đồng ý cùng chồng Ông Nguyễn Văn Tr cùng trả số nợ này. Thấy rằng, qua quá trình tố tụng, Ông Tr có ý vắng mặt nên Tòa án không có lời khai ý kiến của Ông Tr về số nợ của Bà U. Tuy nhiên qua lời khai của Bà U lúc còn sống và lời khai của bà Th thì số tiền vay của Bà U mục đích là mua đất để sử dụng chung trong gia đình, hiện Ông Tr và bà Th vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp sống chung nhà và thời điểm vay tiền của Bà U thì Ông Tr cũng có ký nhận số tiền này. Từ những căn cứ trên, yêu cầu Bà Lê Thị Th là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với số tiền lãi mà bà Th khai đã đóng cho Bà U số tiền 25.000.000 đồng nhưng Bà Th không thừa nhận số tiền lãi này, bà Th cũng không có chứng cứ gì để chứng minh việc đóng số tiền lãi này cho Bà U; do đó, bà Th không yêu cầu trừ căn số tiền lãi vào tiền vốn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Tr, Bà Lê Thị Th phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 429, Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Thị Th.

Buộc Bà Lê Thị Th và Ông Nguyễn Văn Tr phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) cho các thừa kế của Bà U gồm: bà Lê Thị M, bà Lê Thị N, bà Lê Thị B, ông Lê Văn Th, Bà Lê Thị Th.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà Lê Thị Th và Ông Nguyễn Văn Tr phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh TV.

Án xử sơ thẩm công khai, Bà Lê Thị Th có mặt tại phiên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Bà Lê Thị Th và Ông Nguyễn Văn Tr vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV ;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Huỳnh Liêm